

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 39/2005/QĐ-BNN

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định áp dụng đơn giá lập Quy hoạch chi tiết khu (điểm) tái định cư Dự án thủy điện Sơn La

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
 PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 86/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 207/2004/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về việc ban hành cơ chế quản lý và thực hiện Dự án thủy điện Sơn La;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình, Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Chánh Văn phòng Tiểu ban chuyên

trách về công tác di dân, tái định cư Dự án thủy điện Sơn La,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đơn giá lập quy hoạch chi tiết các khu (điểm) tái định cư Dự án thủy điện Sơn La.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh Sơn La, Điện Biên và Lai Châu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG

Thứ trưởng

Hứa Đức Nghị

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Về áp dụng đơn giá lập quy hoạch chi tiết các khu (điểm)
tái định cư Dự án thủy điện Sơn La**

*(kèm theo Quyết định số 39/2005/QĐ-BNN ngày 07 tháng 7 năm 2005
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, yêu cầu.

Ban hành đơn giá lập quy hoạch chi tiết các khu (điểm) tái định cư, nhằm đẩy nhanh công tác lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch chi tiết các khu (điểm) tái định cư Dự án thủy điện Sơn La.

Điều 2. Phạm vi và đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi: Áp dụng cho việc lập quy hoạch chi tiết các khu (điểm) tái định cư Dự án thủy điện Sơn La.

2. Đối tượng: Các loại chi phí phục vụ cho công tác lập, thẩm định quy hoạch chi tiết các khu (điểm) tái định cư Dự án thủy điện Sơn La.

Chương II

ĐỊNH MỨC, ĐƠN GIÁ LẬP QUY HOẠCH CHI TIẾT CÁC KHU, ĐIỂM TÁI ĐỊNH CƯ

Điều 3. Quy định về áp dụng đơn giá.

1. Đơn giá quy định tại Quyết định này là căn cứ để lập dự toán chi phí cho công tác lập, thẩm định quy hoạch chi tiết các khu, điểm tái định cư Dự án thủy điện Sơn La, bao gồm:

- Quy hoạch chi tiết khu, điểm tái định cư tập trung.

- Phương án bố trí tái định cư xen ghép.

- Quy hoạch chi tiết khu tái định cư đô thị.

2. Đơn giá quy định tại Quyết định này làm căn cứ để lập dự toán, thẩm định và nghiệm thu thanh quyết toán chi phí lập quy hoạch chi tiết các khu, điểm tái định cư thuộc Dự án thủy điện Sơn La.

3. Cơ sở xây dựng đơn giá quy hoạch chi tiết khu (điểm) tái định cư Dự án thủy điện Sơn La.

Sử dụng đơn giá do các Bộ, ngành Trung ương và địa phương đã ban hành vận dụng phù hợp với điều kiện thực tế của Dự án di dân, tái định cư thủy điện Sơn La, cụ thể sau:

- Quyết định số 02/2000/QĐ-BNN-KH ngày 04/01/2000 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành giá quy hoạch nông nghiệp và nông thôn.

- Quyết định số 06/2005/QĐ-BXD ngày 03/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành định mức chi phí quy hoạch xây dựng.

- Thông tư số 03/2005/TT-BXD ngày 04 tháng 3 năm 2005 của Bộ Xây dựng hướng dẫn điều chỉnh dự toán công trình xây dựng cơ bản.

- Quyết định số 62/2001/QĐ-UB ngày 09/01/2001 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành đơn giá khảo sát xây dựng.

- Quyết định số 32/2001/QĐ-UB ngày 26/6/2001 của UBND tỉnh Lai Châu (cũ) về việc ban hành đơn giá khảo sát xây dựng.

- Quyết định số 7751/QĐ-UB ngày 14/12/2001 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành tạm thời đơn giá: công tác đo cắm mốc giới, đo gắn tọa độ, tính diện tích, đo cắm mốc chia lô đất và số hóa bản đồ phục vụ công tác khảo sát xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 4. Đơn giá lập quy hoạch chi tiết khu, điểm tái định cư tập trung.

1. Nội dung chi phí cho công tác lập quy hoạch chi tiết khu, điểm tái định cư tập trung gồm:

1.1. Chi phí xây dựng đề cương (nhiệm vụ thiết kế) và dự toán lập quy hoạch:

Giá xây dựng đề cương (nhiệm vụ thiết kế) và dự toán lập quy hoạch chi tiết khu TĐC được tính bằng 10% chi phí lập đồ án quy hoạch chi tiết khu tái định cư (theo Quyết định số 06/2005/QĐ-BXD ngày 03/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng); được quy định cụ thể tại Mục I, II, III - Phụ lục 01 kèm theo Quy định này.

1.2. Chi phí điều tra, khảo sát, lập bản đồ hiện trạng KT-XH và lập bản đồ quy hoạch kinh tế - xã hội của khu (xã) tái định cư:

Áp dụng đơn giá Bảng 1, Quyết định số 02/2000/QĐ-BNN-KH ngày 04/01/2000 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, được quy định cụ thể tại Mục I - Phụ lục 01 kèm theo Quy định này.

1.3. Chi phí lập quy hoạch chi tiết khu, điểm tái định cư:

Áp dụng đơn giá Bảng 5 - Phần IV Quyết định số 06/2005/QĐ-BXD ngày 03/02/2005 của Bộ Xây dựng về định mức chi phí Quy hoạch Xây dựng, cụ thể sau:

- Chi phí quy hoạch chi tiết đất sản xuất cho khu (điểm) tái định cư: Được quy định cụ thể tại Mục II - Phụ lục 01 kèm theo Quy định này.

- Chi phí lập quy hoạch chi tiết điểm

dân cư thuộc khu (điểm) tái định cư: Được quy định cụ thể tại Mục III - Phụ lục 01 kèm theo Quy định này.

1.4. Chi phí cho công tác đo đạc lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2.000:

Bao gồm các loại công việc: chi phí công tác khống chế mặt bằng, khống chế độ cao và đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2.000: Được quy định cụ thể tại Phụ lục 02 kèm theo Quy định này.

1.5. Chi phí cho công tác khảo sát, đo đạc lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500: Được quy định cụ thể tại Phụ lục 02 kèm theo Quy định này.

1.6. Chi phí cắm mốc giới quy hoạch và mốc giới chia lô: được quy định cụ thể tại Phụ lục 02 kèm theo Quy định này.

1.7. Chi phí khác:

- Chi phí thẩm định quy hoạch chi tiết khu, điểm tái định cư: được tính bằng 9% chi phí lập đồ án quy hoạch khu (điểm) tái định cư;

- Chi phí thẩm định đề cương (nhiệm vụ thiết kế) và dự toán: được tính bằng 10% chi phí thẩm định quy hoạch chi tiết khu (điểm) tái định cư;

- Chi phí quản lý quy hoạch: Được tính bằng 6% so với chi phí lập đồ án quy hoạch chi tiết khu (điểm) tái định cư;

- Chi phí công bố quy hoạch: Được tính bằng 3% chi phí lập đồ án quy hoạch chi

tiết khu (điểm) tái định cư (khi thanh toán phải có dự toán chi tiết được duyệt), kinh phí này được giao cho chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện.

2. Giá quy hoạch chi tiết khu (điểm) tái định cư tập trung, bao gồm các khoản: Chi phí thu thập tài liệu liên quan, chi phí nhân công, chi phí vật liệu, chi phí khấu hao máy, thiết bị, chi phí quản lý, chi phí hội nghị thông qua kết quả lập đồ án quy hoạch, chi phí đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, công đoàn và thu nhập chịu thuế tính trước (không bao gồm thuế giá trị gia tăng).

3. Đơn giá quy định tại Mục 1, Điều 4 của quy định này được tính thêm hệ số sau:

Quy hoạch chi tiết các khu (điểm) tái định cư tại các xã vùng 1: hệ số K = 1,0.

Quy hoạch chi tiết các khu (điểm) tái định cư tại các xã vùng 2: hệ số K = 1,1.

Quy hoạch chi tiết các khu (điểm) tái định cư tại các xã vùng 3: hệ số K = 1,2.

Điều 5. Đơn giá lập phương án bố trí tái định cư xen ghép.

Bao gồm các khoản: Chi phí thu thập tài liệu liên quan, chi phí nhân công, vật liệu, chi phí quản lý, chi phí hội nghị, xây dựng phương án. Khi thanh toán phải có dự toán chi tiết được UBND huyện, thị xã thẩm định và phê duyệt.

Đơn giá lập phương án bố trí tái định cư xen ghép được tính 1,5 triệu đồng/1 hộ tái định cư được tiếp nhận.

Điều 6. Đơn giá lập phương án bố trí tái định cư đô thị (thị trấn, thị tứ, trung tâm cụm xã).

Công tác lập quy hoạch tái định cư đô thị được áp dụng định mức, đơn giá ban hành kèm theo Quyết định số 06/2005/QĐ-BXD ngày 03/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh Sơn La, Lai Châu, Điện Biên triển khai việc áp dụng đơn giá, định mức lập, thẩm định quy hoạch chi tiết tại Quy định này, đẩy nhanh tiến độ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết khu (điểm) tái định cư Dự án thủy điện Sơn La, đáp ứng tiến độ đề ra.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc cần điều chỉnh bổ sung, đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh Sơn La, Lai Châu, Điện Biên phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG

Thứ trưởng

Hứa Đức Nhị

Phụ lục 01

ĐỊNH MỨC CHI PHÍ LẬP QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU TÁI ĐỊNH CƯ

I. Giá điều tra, khảo sát, lập bản đồ hiện trạng KT-XH và bản đồ quy hoạch tổng thể của khu (xã) tái định cư

Áp dụng đơn giá Bảng 1, Quyết định số 02/2000/QĐ-BNN-KH ngày 04/01/2000 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT được nhân hệ số $K_{MN} = 1,2$, $K_{KS} = 1,54$ (theo Thông tư số 03/2005/TT-BXD ngày 04/3/2005 của Bộ Xây dựng) và tỷ trọng sản phẩm là 50%.

* Sản phẩm gồm:

1. Thuyết minh và các Phụ lục kèm theo.
2. Bản đồ:
 - Sơ đồ vị trí, ranh giới và mối quan hệ của khu tái định cư;
 - Bản đồ hiện trạng kinh tế và xã hội khu (xã) tái định cư: 1/10.000;
 - Bản đồ Quy hoạch phát triển kinh tế và xã hội khu tái định cư: 1/10.000.

II. Giá lập Quy hoạch chi tiết đất sản xuất nông nghiệp, tỷ lệ bản đồ 1/2.000.

- Áp dụng đơn giá Bảng 5, Phần IV Quyết định số 06/2005/QĐ-BXD ngày 03/02/2005 của Bộ Xây dựng về định mức chi phí Quy hoạch Xây dựng được nhân các hệ số $K_{2000} = 0,7$ và tỷ trọng sản phẩm là 30%.

- Sản phẩm gồm:

1. Bản đồ hiện trạng đất sản xuất nông nghiệp, tỷ lệ 1/2.000.
2. Bản đồ Quy hoạch chi tiết đất sản xuất nông nghiệp, tỷ lệ 1/2.000.
3. Thuyết minh tổng hợp, phụ lục.

III. Giá lập Quy hoạch tổng thể không gian kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư, tỷ lệ 1/500.

Áp dụng đơn giá Bảng 5, Phần IV Quyết định số 06/2005/QĐ-BXD ngày 03/02/2005 của Bộ Xây dựng về định mức chi phí Quy hoạch xây dựng được nhân các hệ số $K_1 = 0,8$; $K_{MN} = 1,2$. Trong đó: K_1 là hệ số quy hoạch khu vực hoàn toàn mới.

Lưu ý: Nội dung, yêu cầu và số lượng sản phẩm giao nộp của đồ án quy hoạch chi tiết điểm dân cư của các khu (điểm) tái định cư thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng và Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng.

Phụ lục 02

GIÁ KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH VÀ CẮM MỐC CHIA LÔ

1. Đơn giá khảo sát, đo đạc lập bản đồ địa hình, bao gồm:

Giá khảo sát, đo đạc lập bản đồ địa

hình (tỷ lệ 1/2.000), bao gồm: Chi phí công tác khống chế mặt bằng, khống chế độ cao và đo vẽ bản đồ địa hình, được áp dụng theo đơn giá các địa phương quy định tại Quyết định số 62/2001/QĐ-UB ngày 09/01/2001 của UBND tỉnh Sơn La và Quyết định số 32/2001/QĐ-UB ngày 26/6/2001 của UBND tỉnh Lai Châu (cũ) về việc ban hành đơn giá khảo sát xây dựng và được điều chỉnh hệ số $K_{KS} = 1,39$ theo Thông tư số 03/2005/TT-BXD ngày 04/3/2005 của Bộ Xây dựng

2. Định mức, đơn giá cắm mốc giới quy hoạch và mốc giới chia lô

2.1. Định mức, đơn giá cắm mốc giới quy hoạch và mốc giới chia lô được áp dụng đơn giá ban hành tại Quyết định số 7751/QĐ-UB ngày 14/02/2001 của UBND thành phố Hà Nội và được điều chỉnh bằng hệ số $K_{MN} = 1,2$, $K_{KS} = 1,35$.

2.2. Quy định về mật độ mốc:

- Đo cắm mốc giới quy hoạch: 0,15 mốc/ha.
- Đo cắm mốc giới chia lô đất: 0,75 mốc/ha.

3. Phân cấp địa hình cho công tác khảo sát, đo vẽ bản đồ địa hình

Việc phân cấp địa hình cho công tác khống chế mặt bằng, khống chế độ cao và đo vẽ bản đồ địa hình được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước và các địa phương.